HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2021/NQ-HĐND	*Ninh Bình, ngày 27 tháng 9 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 27 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện uỷ, Thành uỷ;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Trần Hồng Quảng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình; các cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2021-2025.

Chương II
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 được bố trí cho các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và quy định cụ thể tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương.

3. Phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh Ninh Bình trong kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của ngành, lĩnh vực, địa phương.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách do cấp mình quản lý.

6. Tập trung, ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án có tính chất kết nối, tác động liên vùng, dự án văn hóa - lịch sử, du lịch...quan trọng, có ý nghĩa bảo tồn, phát huy giá trị thiên nhiên, văn hóa - lịch sử, mở rộng không gian, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

1. Chi trả nợ gốc khoản vay của ngân sách địa phương.

2. Cân đối phân bổ vốn cho các công trình, dự án theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thanh toán nợ xây dựng cơ bản, trong đó ưu tiên thanh toán đối với công trình, dự án đã phê duyệt quyết toán, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và tập trung thanh toán dứt điểm số nợ xây dựng cơ bản của một số công trình, dự án có mức nợ xây dựng cơ bản nhỏ;

b) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

c) Bố trí phần vốn đối ứng ngân sách tỉnh cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (nếu có);

d) Bố trí vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

e) Bố trí vốn khởi công mới cho các dự án thực sự cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo các thủ tục quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đối với một số dự án có nợ xây dựng cơ bản, giá trị khối lượng hoàn thành lớn; dự án chuyển tiếp thực sự cấp thiết; dự án có tính chất kết nối, tác động liên vùng, dự án văn hóa - lịch sử, du lịch...quan trọng, có ý nghĩa bảo tồn, phát huy giá trị thiên nhiên, văn hóa - lịch sử, mở rộng không gian, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững được cấp có thẩm quyền thông qua có nhu cầu sử dụng vốn lớn từ nguồn ngân sách Trung ương, vốn ngân sách tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về đấu giá đất để tạo nguồn vốn đảm bảo thanh toán nợ xây dựng cơ bản và triển khai thực hiện hoàn thành dự án trong giai đoạn 2021-2025.

Điều 6. Nguồn vốn, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025

1. Đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương thực hiện theo đúng nguyên tắc, đối tượng, tiêu chí, định mức, thứ tự ưu tiên và hạn mức ngân sách Trung ương quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg, các quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia thực hiện theo đúng đối tượng, nguyên tắc quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành có liên quan.

3. Đối với vốn đầu tư công ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong cân đối Trung ương hỗ trợ cho tỉnh: Năm 2021 thực hiện theo Kế hoạch đầu tư công năm 2021 đã giao. Trong giai đoạn 2022-2025 phân chia theo tỷ lệ ngân sách cấp huyện 20%, ngân sách cấp tỉnh 80%;

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết: Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình;

c) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) xây dựng danh mục, mức phân bổ vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cấp theo quy định.

Điều 7. Tiêu chí và xác định số điểm của từng tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) cho các huyện, thành phố

1. Tiêu chí phân bổ

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, xây dựng 05 nhóm tiêu chí để làm tiêu chí phân bổ, cụ thể như sau:

a) Tiêu chí dân số: Dân số trung bình;

b) Tiêu chí về trình độ phát triển gồm: tỷ lệ hộ nghèo; số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) và tỷ lệ bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố;

c) Tiêu chí diện tích gồm: diện tích đất tự nhiên; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên;

d) Tiêu chí đơn vị hành chính gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã; số xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã bãi ngang ven biển;

đ) Tiêu chí bổ sung: tiêu chí xã thuộc vùng an toàn khu, tiêu chí đô thị, tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số: Dân số trung bình.

Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Dân số trung bình	Điểm
Đến 100.000 người	10,0
Trên 100.000 người, cứ tăng thêm 1.000 người được tính thêm	0,1

Dân số trung bình của các huyện, thành phố căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2020 do Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình công bố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) và tỷ lệ bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố.

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 0,1% hộ nghèo được tính	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tỉnh Ninh Bình năm 2020.

(2) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết)

Số thu nội địa	Điểm
Huyện, thành phố có số thu nội địa từ 0 đến 50 tỷ đồng	4
Huyện, thành phố có số thu nội địa từ 50 đến 80 tỷ đồng	3
Huyện, thành phố có số thu nội địa từ 80 đến 100 tỷ đồng	2
Huyện, thành phố có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng	1

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021 công bố tại Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Huyện, thành phố có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh đến 10% được tính	10,0
Trên 10%, cứ tăng thêm 1% được tính	1,0

Tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được xác định từ ngân sách tỉnh bổ sung cân đối cho ngân sách huyện, thành phố so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố và căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới năm 2021 công bố tại Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

c) Tiêu chí diện tích gồm: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	**Điểm**
Đến 100 Km^2 được tính	10,0
Từ 100 Km^2 đến 250 Km^2, cứ tăng thêm 15 Km^2 được tính thêm	0,8
Trên 250 Km^2, cứ tăng thêm 15 Km^2 được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên của từng huyện, thành phố căn cứ theo số liệu Niên giám thống kê năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình công bố.

(2) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên	**Điểm**
Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên đến 30%	1
Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên từ 30% đến 50%	2
Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên trên 50%	3

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên của từng huyện, thành phố căn cứ theo số liệu Niên giám thống kê năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình công bố.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã; xã thuộc vùng kinh tế xã hội khó khăn.

(1) Điểm của tiêu chí Số đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị hành chính cấp xã	**Điểm**
Mỗi xã được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp xã căn cứ theo số liệu Niên giám thống kê năm 2020 của Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình công bố.

(2) Điểm của tiêu chí xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã bãi ngang ven biển

Xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã bãi ngang ven biển	**Điểm**
Mỗi xã được tính thêm	0,2

Số đơn vị hành chính cấp xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi căn cứ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; xã bãi ngang ven biển căn cứ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

đ) Tiêu chí bổ sung: Tiêu chí xã thuộc vùng An toàn khu; tiêu chí đô thị, tiêu chí nông thôn mới

(1) Điểm của tiêu chí xã thuộc vùng An toàn khu

Xã thuộc vùng An toàn khu	**Điểm**
Mỗi xã được tính thêm	0,1

Số đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng An toàn khu căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

(2) Điểm của tiêu chí đô thị

Tiêu chí đô thị	**Điểm**
Huyện, thành phố từ đô thị loại 3 trở lên được tính	15
Huyện, thành phố từ đô thị loại 2 trở lên được tính	25

(3) Điểm của tiêu chí nông thôn mới

Tiêu chí nông thôn mới	**Điểm**
Huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới được tính	3
Huyện chưa hoàn thành xây dựng nông thôn mới được tính	5
Huyện đã đăng ký xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao	5

Điều 8. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) cho các huyện, thành phố

1. Căn cứ vào các tiêu chí tại Điều 7 của Quy định này để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố và tổng số điểm của 08 huyện, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình cho ngân sách huyện, thành phố theo các công thức sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số

Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của huyện, thành phố thứ i là A_i.

b) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện, thành phố thứ i là B_i.

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo huyện, thành phố thứ i là n_i.

Gọi số điểm cuả tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) huyện, thành phố thứ i là p_i.

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách huyện, thành phố thứ i là r_i.

Tổng số điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện, thành phố thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + r_i$$

c) Điểm của tiêu chí diện tích

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện, thành phố thứ i là C_i.

Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên huyện, thành phố thứ i là m_i.

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên của huyện, thành phố thứ i là l_i.

Tổng số điểm của tiêu chí diện tích huyện, thành phố thứ i sẽ là:

$$C_i = m_i + l_i$$

d) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính

Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính của huyện, thành phố thứ i là D_i.

Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i là q_i.

Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã bãi ngang ven biển của huyện, thành phố thứ i là t_i.

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính của huyện, thành phố thứ i sẽ là:

$$D_i = q_i + t_i$$

đ) Điểm của tiêu chí bổ sung: Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng An toàn khu, tiêu chí đô thị, tiêu chí nông thôn mới

Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của huyện, thành phố thứ i là L_i.

Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng An toàn khu của huyện, thành phố thứ i là u_i.

Gọi số điểm của tiêu chí đô thị của huyện, thành phố thứ i là e_i.

Gọi số điểm của tiêu chí nông thôn mới của huyện thứ i là s_i.

Tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của huyện, thành phố thứ i sẽ là:

$$L_i = u_i + e_i + s_i$$

e) Tổng điểm của huyện, thành phố thứ i

Gọi tổng số điểm của huyện, thành phố thứ i gọi là X_i:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

g) Tổng số điểm của 08 huyện, thành phố là Y, ta có

$$Y = \sum_{i=1}^{8} Xi$$

2. Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình phân bổ cho ngân sách huyện, thành phố.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

3. Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình phân bổ cho ngân sách huyện, thành phố thứ i:

$$V_i = Z \times X_i$$

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Điều 10. Triển khai tổ chức thực hiện

Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình triển khai tổ chức thực hiện Quy định này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc không phù hợp với thực tế, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình để tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Trần Hồng Quảng

Biểu 1: CHI TIẾT SỐ LIỆU TÍNH ĐIỂM PHÂN BỔ VỐN HỖ TRỢ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Huyện, thành phố	Tổng điểm	Tiêu chí dân số		Tiêu chí kinh tế phát triển							Tiêu chí diện tích					Tiêu chí đơn vị hành chính					Tiêu chí bổ sung						
									gồm						gồm					gồm							gồm		
			Dân số trung bình (người)	Điểm số	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Số thu nội địa (triệu đồng)	Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố (%)	Tổng điểm	Điểm số tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo	Điểm số tiêu chí số thu nội địa	Điểm số tiêu chí tỷ lệ bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố	Diện tích đất tự nhiên (Km2)	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên (%)	Tổng điểm	Điểm số tiêu chí diện tích đất tự nhiên	Điểm số tiêu chí tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên	Số đơn vị hành chính cấp xã	Số xã đặc thuộc vùng kinh tế xã hội khó khăn	Tổng điểm	Điểm số tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã	Điểm số tiêu chí xã đặc thuộc vùng kinh tế xã hội khó khăn	Số xã thuộc vùng An toàn khu	Tiêu chí đô thị loại 1, 2, 3	Tiêu chí xây dựng nông thôn mới	Tổng điểm	Điểm số tiêu chí xã đặc thuộc vùng An toàn khu	Điểm số tiêu chí đô thị loại 1, 2, 3	Điểm số tiêu chí xây dựng nông thôn mới
A	B	1=2+7+13+18+24	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17	18=19+20	19	20	21	22	23	24=25+26+27	25	26	27
	Tổng số	737,32	993 920	**105,70**		830 780		**363,56**	13,46	21,00	329,10	1386,79		**126,06**	105,06	21,00	143	18	**75,10**	71,50	3,60	0			**66,90**	0,90	40,00	26,00
1	Thành phố Ninh Bình	70,26	130 037	**13,00**	0,76	353 045	12,53	**14,26**	0,76	1,00	12,50	46,75	30,72	**11,00**	10,00	1,00	14	0	**7,00**	7,00	0,00	0	Đô thị loại 2		**25,00**	0,00	25,00	0,00
2	Thành phố Tam Điệp	83,30	63 963	**10,00**	0,50	99 060	38,29	**40,80**	0,50	2,00	38,30	104,93	65,18	**13,00**	10,00	3,00	9	0	**4,50**	4,50	0,00	0	Đô thị loại 3		**15,00**	0,00	15,00	0,00
3	Huyện Nho Quan	121,48	151 492	**15,14**	2,49	58 630	53,59	**59,09**	2,49	3,00	53,60	450,53	77,49	**25,85**	22,85	3,00	27	10	**15,50**	13,50	2,00	9		Chưa hoàn thành	**5,90**	0,90	0,00	5,00
4	Huyện Gia Viễn	96,55	122 334	**12,23**	2,10	75 330	48,97	**54,10**	2,10	3,00	49,00	176,68	64,62	**16,72**	13,72	3,00	21	0	**10,50**	10,50	0,00	0		Hoàn thành	**3,00**	0,00	0,00	3,00
5	Huyện Hoa Lư	66,92	72 635	**10,00**	1,12	59 865	29,31	**33,42**	1,12	3,00	29,30	103,49	60,02	**13,00**	10,00	3,00	11	0	**5,50**	5,50	0,00	0		Hoàn thành	**5,00**	0,00	0,00	5,00
6	Huyện Yên Khánh	94,40	148 700	**14,87**	1,92	65 850	45,28	**50,22**	1,92	3,00	45,30	142,60	61,63	**14,81**	11,81	3,00	19	0	**9,50**	9,50	0,00	0		Hoàn thành	**5,00**	0,00	0,00	5,00
7	Huyện Kim Sơn	108,58	184 976	**18,49**	2,80	85 000	50,10	**54,90**	2,80	2,00	50,10	215,71	46,54	**16,69**	14,69	2,00	25	5	**13,50**	12,50	1,00	0		Chưa hoàn thành	**5,00**	0,00	0,00	5,00
8	Huyện Yên Mô	95,83	119 783	**11,97**	1,77	34 000	51,03	**56,77**	1,77	4,00	51,00	146,10	65,95	**14,99**	11,99	3,00	17	3	**9,10**	8,50	0,60	0		Hoàn thành	**3,00**	0,00	0,00	3,00

Biểu 2: TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÍNH ĐIỂM VÀ DỰ KIẾN MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thành phố	Điểm số của từng huyện, thành phố theo từng tiêu chí						Tổng nguồn giai đoạn 2021 - 2025			Mức phân bổ trong giai đoạn 2022 - 2025 (tỷ lệ cấp huyện 20%; cấp tỉnh 80%)
		Tổng điểm	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
			Tiêu chí về dân số	Tiêu chí về trình độ phát triển	Tiêu chí diện tích	Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện	Tiêu chí bổ sung		Đã giao năm 2021	Còn lại của giai đoạn 2022 - 2025	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số							**4 367 900,00**	**760 366,00**	**3 607 534,00**	**3 607 534,00**
I	**CẤP TỈNH**								**605 394,00**		**2 886 027,20**
II	**CẤP HUYỆN**	**737,32**	**105,70**	**363,56**	**126,06**	**75,10**	**66,90**		**154 972,00**		**721 506,80**
1	**Thành phố Ninh Bình**	**70,26**	13,00	14,26	11,00	7,00	25,00		21 160,00		**68 753,13**
2	**Thành phố Tam Điệp**	**83,30**	10,00	40,80	13,00	4,50	15,00		14 774,00		**81 513,46**
3	**Huyện Nho Quan**	**121,48**	15,14	59,09	25,85	15,50	5,90		24 214,00		**118 874,62**
4	**Huyện Gia Viễn**	**96,55**	12,23	54,10	16,72	10,50	3,00		18 744,00		**94 479,29**
5	**Huyện Hoa Lư**	**66,92**	10,00	33,42	13,00	5,50	5,00		12 916,00		**65 484,77**
6	**Huyện Yên Khánh**	**94,40**	14,87	50,22	14,81	9,50	5,00		18 782,00		**92 375,40**
7	**Huyện Kim Sơn**	**108,58**	18,49	54,90	16,69	13,50	5,00		24 546,00		**106 251,28**
8	**Huyện Yên Mô**	**95,83**	11,97	56,77	14,99	9,10	3,00		19 836,00		**93 774,73**